



UBND TỈNH LAI CHÂU

**DDCI**  
LAI CHÂU



# PHƯƠNG PHÁP LUẬN BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2020 của UBND tỉnh)*

Lai Châu, tháng 5 năm 2020



[www.ddci.org.vn](http://www.ddci.org.vn) 0



UBND TỈNH LAI CHÂU

**Phương pháp luận**  
**Bộ Chỉ số Đánh giá Năng lực Cạnh tranh**  
**cấp Sở, ban, ngành và**  
**Địa phương tỉnh Lai Châu**  
**DDCI LAI CHÂU**



Lai Châu, tháng 5 năm 2020



[www.ddci.org.vn](http://www.ddci.org.vn) 1

## MỤC LỤC

|  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| <b>MỤC LỤC</b> .....   | <b>2</b>                            |
| <b>DANH MỤC BẢNG</b> .....   | <b>3</b>                            |
| <b>DANH MỤC HÌNH</b> .....   | <b>3</b>                            |
| <b>DANH TỪ VIẾT TẮT</b> .....  | <b>4</b>                            |
| <b>PHẦN 1. BỐI CẢNH</b> .....  | <b>5</b>                            |
| <b>PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ XẾP HẠNG</b> .....  | <b>12</b>                           |
| <b>2.1. Cấu trúc bộ chỉ số</b> .....   | <b>12</b>                           |
| <b>2.2. Phương pháp khảo sát DDCI</b> .....  | <b>14</b>                           |
| Xử lý dữ liệu .....  | 41                                  |
| Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích .....                                       | 43                                  |
| <b>PHẦN 3. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG</b> ..... | <b>44</b>                           |
| <b>3.1. CẤP SỞ, BAN, NGÀNH</b> .....   | <b>44</b>                           |
| <b>3.2. CẤP HUYỆN</b> .....  | <b>52</b>                           |
| <b>PHẦN 4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN</b> .....  | <b>62</b>                           |
| <b>4.1. Kế hoạch thực hiện</b> .....   | <b>62</b>                           |
| <b>4.2. Cơ chế phối hợp thực hiện công việc</b> .....  | <i>Error! Bookmark not defined.</i> |



## DANH MỤC BẢNG

|   |           |
|---|-----------|
| <b>Bảng 2.1. Các nội dung về lĩnh vực chức năng về quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho doanh nghiệp.....</b> | <b>17</b> |
| <b>Bảng 3.1. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cốt lõi trong DDCI sở, ban, ngành cấp tỉnh.....</b>      | <b>47</b> |
| <b>Bảng 3.2. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI sở, ban, ngành cấp tỉnh.....</b>      | <b>51</b> |
| <b>Bảng 3.3. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cốt lõi trong DDCI cấp huyện.....</b>                    | <b>53</b> |
| <b>Bảng 3.4. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI cấp huyện.....</b>                    | <b>60</b> |
| <b>Bảng 4.2: Cơ chế phối hợp thực hiện công việc.....</b>   | <b>65</b> |

## DANH MỤC HÌNH

|   |           |
|---|-----------|
| <b>Hình 2.1. Thang điểm xếp hạng DDCI .....</b> | <b>43</b> |
|---|-----------|



## DANH TỪ VIẾT TẮT

|      |   |
|------|---|
| BHXH | Bảo hiểm xã hội   |
| BHYT | Bảo hiểm y tế   |
| CIEM | Viện Quản lý Kinh tế Trung ương   |
| DDCI | District & Department Competitiveness Index<br>(Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp huyện và Sở, ban, ngành) |
| DN   | Doanh nghiệp  |
| DTTS | Dân tộc thiểu số  |
| ĐKKD | Đăng ký kinh doanh  |
| GTVT | Giao thông Vận tải  |
| HCTC | Hành chính Tập trung  |
| HKD  | Hộ kinh doanh   |
| HTX  | Hợp tác xã  |
| KHĐT | Kế hoạch - Đầu tư   |
| KTXH | Kinh tế, Xã hội   |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy  |
| PCI  | Provincial Competitiveness Index<br>(Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)                               |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh   |
| TNMT | Tài nguyên Môi trường   |
| TTHC | Thủ tục hành chính  |
| UBND | Ủy ban nhân dân   |
| VCCI | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam  |





## PHẦN 1. BỐI CẢNH

---

Những năm gần đây, nâng cao năng lực cạnh tranh đã mang lại nhiều thành công trong phát triển kinh tế cho Việt Nam. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng chương trình hành động, cải thiện riêng cho mình và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Trong đó, Lai Châu cũng là một trong những tỉnh có nhiều hành động thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh một cách thực chất. Tuy nhiên, nhìn chung trong thời gian qua, kết quả năng lực cạnh tranh của Lai Châu (đo lường thông qua PCI còn khá khiêm tốn), có cải thiện nhưng chưa đạt được hiệu quả mang tính bền vững.

Cùng với các địa phương trong cả nước, Lai Châu cũng đã có nhiều hoạt động nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh theo quan điểm của Chính phủ. Trước đó, chính phủ cũng nêu rõ nhiệm vụ với các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả đạt được trong phạm vi ngành, địa phương. Nghị quyết 02 về cải thiện môi trường kinh doanh càng khẳng định rõ ràng hơn sự quan tâm của Chính phủ tới môi trường cạnh tranh tại các địa phương Việt Nam, đảm bảo tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi hơn. Điểm nhấn của Nghị quyết 02 năm 2019 là tăng cường trách nhiệm của các bộ đầu mối, gắn rõ hơn việc hoàn thành các mục tiêu với trách nhiệm của các bộ trưởng, trưởng ngành, lãnh đạo địa phương.

Trong những năm qua, Lai Châu đã có nhiều chuyển biến tích cực, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội được quan tâm chỉ đạo và có nhiều tiến bộ, đóng góp vào sự phát triển chung của các tỉnh vùng Tây Bắc Bộ và cả nước. Tuy nhiên, Lai Châu vẫn còn nhiều những hạn chế, chưa khai thác hết những tiềm năng để có thể bứt phá và phát triển, tỷ lệ hộ nghèo tuy có giảm nhưng vẫn còn cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển dẫn đến môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của tỉnh giảm sút. Để có thể bứt phá vươn lên mạnh mẽ, phát triển bền vững, Lai Châu cần phải nỗ lực mạnh mẽ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, đổi mới sáng tạo trong thu hút đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực trạng này đặt ra các vấn đề cần giải quyết đối với Lai Châu. Một là khó có thể có những cải thiện bền vững và mang tính lan tỏa giữa các huyện thành phố nếu không có tính kết nối và tinh thần “thi đua” giữa các huyện. Chưa có kết quả cải thiện môi trường kinh doanh mang tính đối chiếu nào giữa các huyện, thành phố. Hai là, tỉnh sẽ không thể hoàn thiện được các mục tiêu cải cách môi trường kinh doanh và đầu tư nếu không có động thái cải cách thực sự từ các sở, ban, ngành – chính là các đơn vị trực tiếp liên quan đến các doanh nghiệp.



Đề tận dụng tối đa tiềm năng, đưa địa phương tiếp tục phát triển, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, khuyến khích sự phát triển của khối hộ kinh doanh và hợp tác xã thì nâng cao năng lực cạnh tranh là nội dung quan trọng. Bởi vì doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã... cũng là nhóm đối tượng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ sở sản xuất kinh doanh tại tỉnh Lai Châu. Các cơ sở sản xuất kinh doanh này một mặt góp phần gia tăng giá trị GRDP của tỉnh. Mặt khác đây cũng chính là các tác nhân chính tạo công ăn việc làm cho người dân, trong đó có một tỷ lệ lớn các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội như phụ nữ, dân tộc thiểu số...

Trong mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm, giai đoạn 2016-2020 đã nhấn mạnh: “Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)...”, đồng thời cũng đưa ra những giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh: “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng áp dụng và phát huy vai trò tích cực của chính quyền điện tử gắn với hoạt động hiệu quả của các cơ quan hành chính công, lấy hiệu quả phục vụ, sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo”. Mức độ tác động của các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh do chính quyền 63 tỉnh thành phố thực hiện trong thời gian qua được doanh nghiệp đánh giá thông qua nhiều cách thức, tiêu biểu trong số đó là chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) tiến hành điều tra hàng năm. Với quyết tâm chính trị cao và mong muốn tiếp tục tạo những chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch số 304/KH-UBND về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh tại Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh; Ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chỉ tiêu triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số PCI của tỉnh năm 2019,....

Đặc biệt, không chỉ dừng lại ở việc đánh giá PCI, trước thực tiễn nhu cầu cần đánh giá hiệu quả hoạt động của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, thành phố cũng như bài học kinh nghiệm hiệu quả của việc đánh giá DDCI trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh và tăng cường tính trách nhiệm, minh bạch, cải tổ của các sở, ban, ngành của các địa phương như Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh,... tỉnh Lai Châu đã thực sự bắt tay vào đánh giá môi trường kinh doanh của mình một cách sâu sắc hơn. Trên cơ sở chỉ số PCI áp dụng cho cấp tỉnh, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành văn bản số 2480/UBND-TH ngày 05/12/2019 về việc xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) Lai Châu. Các kế hoạch này nhằm mục đích đánh



giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố từ đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Lai Châu. Đây được coi như một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của tỉnh Lai Châu hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh một cách toàn diện.

Lần đầu tiên tại Lai Châu, DDCI Lai Châu sẽ tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các hộ kinh doanh, các tổ hợp tác, HTX, các doanh nghiệp về công tác điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp huyện, các các sở, ban, ngành và lãnh đạo địa phương một cách hệ thống. Thông qua kết quả trên, các đơn vị, địa phương sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, minh bạch hơn cho các chủ cơ sở sản xuất, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại tỉnh. Hơn thế nữa, điểm đổi mới và toàn diện hơn so với cách đánh giá DCI cũ là cách tiếp cận toàn diện tới các nhóm đối tượng yếu thế và các vấn đề phát triển bao trùm (giới, môi trường sinh thái...) để từ đó, có những giải pháp toàn diện với mục đích “không ai bị bỏ lại phía sau” nhằm phát triển KT-XH một cách bền vững.

### ***Thông lệ tốt trong quản lý và điều hành kinh tế ở cấp huyện, sở, ban, ngành***

DDCI được xây dựng nhằm thúc đẩy nhận thức và hành động cải thiện công tác quản lý, điều hành kinh tế tại địa phương, với mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các nhà đầu tư, để hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bao trùm. Điều này cũng trực tiếp mang lại lợi ích về cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

DDCI dựa trên quan điểm nền tảng là cơ sở SXKD kỳ vọng như thế nào đối với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố, các sở, ban, ngành trong công tác điều hành và quản trị kinh tế. Các cơ sở SXKD luôn kỳ vọng rằng cơ quan chính quyền địa phương, sở, ban, ngành sẽ đáp ứng được các nguyên tắc mang tính nền tảng trong điều hành và quản trị kinh tế. DDCI cũng được xây dựng trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành theo các quy định hiện hành của Việt Nam về tổ chức chính quyền cấp huyện và tỉnh.

Sự kết hợp giữa thực tế của Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và quá trình triển khai DDCI trong những năm vừa qua cho thấy một số thông lệ tốt về điều hành và quản trị kinh tế được các cơ sở SXKD kỳ vọng và phù hợp với khả năng đáp ứng các cơ quan chính quyền cấp địa phương tại Việt Nam đồng thời hướng tới phát triển kinh tế xã hội bao trùm bao gồm:

1. Hiệu quả trong thực hiện chính sách và quy định pháp luật với tinh thần vì DN/HTX/HKD





2. Chất lượng dịch vụ công liên tục được cải thiện với ứng dụng ngày một hiệu quả của chính phủ điện tử
3. Minh bạch thông tin và đối xử công bằng với DN/HTX/HKD
4. Lãnh đạo chính quyền năng động, tiên phong, lắng nghe và hành động vì DN/HTX/HKD
5. Đối thoại thường xuyên có trách nhiệm với doanh nghiệp và đề cao trách nhiệm giải trình
6. Gia nhập thị trường dễ dàng, thuận tiện với chi phí thấp
7. Dễ dàng và minh bạch trong tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh
8. Hiệu quả trong hoạt động cấp phép và thanh tra, kiểm tra
9. Thủ tục thuế đơn giản, thuận lợi, minh bạch và công bằng
10. Thủ tục hành chính được cải thiện mạnh mẽ và bộ phận một cửa hoạt động hiệu quả
11. Hoạt động hỗ trợ kinh doanh thiết thực, hiệu quả, công bằng.
12. Chi phí không chính thức được đẩy lùi
13. Các nội dung phát triển bao trùm, xã hội và bình đẳng giới được quan tâm
14. Môi trường, sinh thái được chú trọng trong công tác điều hành, quản lý kinh tế
15. Các giá trị văn hóa, lịch sử được chú trọng bảo tồn trong quá trình điều hành, quản lý kinh tế.

Các thông lệ tốt này được hình thành trên cơ sở các khảo sát đối với cộng đồng DN/HTX/HKD trong quá trình xây dựng và triển khai DDCI trong những năm vừa qua, nghiên cứu các tài liệu và quy định về vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của cơ quan chính quyền địa phương, cũng như các thông lệ quốc tế. Đặc biệt, các nguyên tắc và phương pháp xây dựng DDCI đã tính toán dựa trên đón đầu sự thay đổi. Nhóm chuyên gia tính đến sự thay đổi cơ cấu trong quản lý, chức năng và nhiệm vụ các sở, ban, ngành để đảm bảo tính bền vững trong dài hạn. Trong quá trình thực hiện, nhóm chuyên gia cũng tham vấn nhiều cơ quan cấp trung ương và lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước... để đảm bảo tính phù hợp và tính khoa học của phương pháp luận, các chỉ số, chỉ tiêu đánh giá chất lượng điều hành, quản lý kinh tế của cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Các thông lệ tốt tại Việt Nam và quốc tế được sử dụng làm nền tảng cho việc hình thành khung chỉ số của DDCI và là cơ sở để hình thành thang điểm để các cơ sở SXKD chấm điểm về chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành. Phương pháp luận của DDCI và các công cụ như phiếu điều tra, công cụ xếp hạng do vậy đều tuân thủ và hướng đến các thông lệ tốt này. Điểm số cũng như thứ hạng của các sở, ban, ngành và huyện, thành phố thực sự dựa trên điểm số trung bình chung của điểm số mà các cơ sở SXKD được khảo sát đã chấm điểm đối với từng chỉ



tiêu về các mặt điều hành và quản trị kinh tế của chính quyền huyện, thành phố và các sở, ban, ngành.

DDCI do vậy là chiếc gương phản chiếu chính xác cảm nhận của cộng đồng DN/HTX/HKD, bao gồm cả các cơ sở SXKD nữ, các cơ sở SXKD làm việc với phụ nữ hoặc dân tộc thiểu số - về các mặt và công tác quản lý, điều hành kinh tế của các cấp chính quyền địa phương. DDCI cũng là một nhiệt kế đo lường sự hài lòng về môi trường kinh doanh và đầu tư và cảm nhận về triển vọng kinh doanh trong bối cảnh môi trường kinh doanh và đầu tư cấp huyện và tỉnh.

### ***Sử dụng DDCI***

Mục tiêu tổng thể của việc triển khai DDCI là thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tại mỗi tỉnh, thành phố, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại địa phương.

DDCI hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- DDCI nhằm mục tiêu xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền các địa phương đối với cộng đồng sản xuất kinh doanh. Đây cũng chính là hoạt động góp phần thực hiện yêu cầu của Chính phủ trong thời gian gần đây về chuyển từ chính quyền quản lý sang xây dựng chính quyền phục vụ.
- DDCI cung cấp cho lãnh đạo tỉnh, thành phố một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành, và huyện, thành phố. Phản hồi của cộng đồng cơ sở SXKD qua điều tra DDCI cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình thực hiện thủ tục hành chính và làm việc với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Đây chính là nguồn thông tin tham khảo độc lập, khách quan cho các nhà lãnh đạo tỉnh, thành phố để có chỉ đạo kịp thời nhằm cải thiện chất lượng hoạt động của các đơn vị có liên quan.
- DDCI giúp lãnh đạo tỉnh, thành phố xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại chính các đơn vị sở, ban, ngành và huyện, thành phố, để từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác. Đây cũng là cách để khích lệ và phát huy sự năng động, sáng tạo của cán bộ và các sở, ban, ngành và huyện, thành phố trong việc thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, thành phố về nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, đặc biệt trong một số trường hợp như thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như dịch Covid-19).
- DDCI hỗ trợ lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thành phố cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình. Kết quả điều tra DDCI giúp lãnh đạo các đơn vị nhận diện rõ những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động của mỗi sở, ban, ngành, huyện, thành phố trong diện đánh giá. Từ đó, lãnh đạo các đơn vị có thể xác định trọng tâm cải cách, lựa chọn và triển khai các giải pháp phù hợp thực tế và kịp thời.



- DDCI hướng tới tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh giữa các sở, ban, ngành và huyện, thành phố trong việc cải thiện mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi đơn vị, cơ quan, từ đó góp phần vào nỗ lực chung của chính quyền tỉnh, thành phố trong việc tạo lập môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.
- DDCI nhằm tạo ra kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến đối với chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành trong việc nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư tại địa phương. Việc triển khai DCCI sẽ giúp nắm bắt, thu thập thường xuyên các khó khăn, vướng mắc của cộng đồng sản xuất kinh doanh tại địa phương, phản ánh kịp thời tới các cơ quan nhà nước có liên quan tại tỉnh, thành phố để có giải pháp xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

### ***Giới, Xã hội, và Môi trường, Giá trị Văn hóa, Lịch sử***

Nội dung và phương pháp tiếp cận mới của DDCI đã đặc biệt chú trọng tới vấn đề về bình đẳng giới, môi trường và các khía cạnh xã hội, phát triển bền vững và phát triển bao trùm thông qua việc lồng ghép các yếu tố này vào toàn bộ quá trình khảo sát, điều tra, công bố kết quả, lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hành động. Ví dụ:

- Đảm bảo các yếu tố về phát triển bao trùm (giới, xã hội, môi trường) trong công tác điều hành, quản lý kinh tế trong nguyên tắc xây dựng DDCI;
- Đảm bảo chú trọng các giá trị văn hóa, lịch sử trong công tác điều hành, quản lý kinh tế trong nguyên tắc xây dựng DDCI;
- Cân nhắc tỷ lệ phù hợp các doanh nghiệp do phụ nữ/phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) làm chủ/đồng sở hữu hoặc doanh nghiệp làm việc với phụ nữ/phụ nữ DTTS; hộ sản xuất do phụ nữ làm chủ khi chọn mẫu khảo sát;
- Chú trọng tới các yếu tố về phát triển bao trùm và nhạy cảm giới trong thiết kế bảng hỏi và quá trình khảo sát đánh giá chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền địa phương;
- Phân tích một số chỉ số cơ bản dưới góc nhìn/ cảm nhận của các nhóm nữ - nam – dân tộc thiểu số được khảo sát khác nhau để phát hiện các vấn đề tồn tại liên quan;
- Đưa ra bức tranh các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo/đồng sở hữu, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ;
- Xây dựng bức tranh các lãnh đạo nữ (từ cấp phòng, huyện trở lên) trong hệ thống quản lý nhà nước;
- Đề xuất các khuyến nghị tới UBND tỉnh và các đơn vị, tổ chức liên quan nhằm thúc đẩy tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ trong hệ thống thị trường tại tỉnh Lai Châu;
- Đề xuất các giải pháp cụ thể trong các báo cáo và hội nghị trong đó nhấn mạnh các yếu tố về phát triển bao trùm để thu hút sự chú ý và quan tâm



đúng mức của các bên liên quan tới các vấn đề này. Từ đó đảm bảo rằng chính quyền địa phương ở cấp tỉnh cũng như các huyện, thành phố, các doanh nghiệp, các cá nhân tổ chức quan tâm nhận thức được đầy đủ và có hành động cụ thể để đảm bảo hài hòa các vấn đề về bình đẳng giới, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

Thông qua quá trình khảo sát, điều tra, công bố kết quả, lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hành động, DDCI nâng cao nhận thức và mối quan tâm về những vấn đề như kinh doanh với phụ nữ, doanh nhân nữ, bình đẳng giới, các vấn đề về môi trường, sinh thái trong quá trình phát triển, các vấn đề về xã hội, phát triển bền vững, công bằng, người dân tộc thiểu số, những đối tượng yếu thế... Vượt khỏi cách tiếp cận truyền thống, DDCI sẽ đánh giá chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền địa phương từ các góc độ này. Bằng cách đó, DDCI sẽ khuyến khích các hoạt động điều hành kinh tế tại địa phương chú ý và quan tâm đúng mức tới các vấn đề này, đảm bảo rằng chính quyền địa phương ở cấp tỉnh cũng như các huyện, thành phố sẽ có hành động cụ thể để đảm bảo hài hòa các vấn đề về bình đẳng giới, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

#### ***DDCI và Công nghệ 4.0***

Trên kinh nghiệm và thực tiễn triển khai DDCI của các tỉnh, Economica Vietnam tiếp tục nâng cấp và cải thiện phương pháp luận cũng như cách thức triển khai DDCI tại cấp tỉnh, với mục tiêu nhằm đảm bảo DDCI phản ánh chính xác hơn, kịp thời hơn, toàn diện hơn các mặt quản lý, điều hành kinh tế tại các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố. Phương pháp luận được cải tiến cũng cho phép sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai DDCI, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc triển khai, thực hiện, khai thác và sử dụng kết quả DDCI, phục vụ cho công tác điều hành, lập kế hoạch cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành và qua đó nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh và đầu tư và năng lực cạnh tranh tại các tỉnh.

Quy trình triển khai DDCI đã được chuẩn hóa, xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin, điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo, cho phép phần lớn công việc được thực hiện trên nền tảng trực tuyến. Nền tảng công nghệ đang được ứng dụng đối với DDCI hiện tại cho phép toàn bộ quá trình điều tra, xử lý số liệu, và trả kết quả điều tra được thực hiện trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ điện toán đám mây. Công nghệ được áp dụng trong DDCI cũng tạo nền tảng cho việc điều tra khảo sát trực tuyến trong tương lai, qua đó giảm chi phí triển khai thực hiện, đảm bảo tác động trên diện rộng và tính bền vững trong dài hạn. Đồng thời, công nghệ tiên tiến này cũng cho phép các tỉnh tham gia nắm bắt được kết quả về đánh giá chất lượng công tác điều hành trên mọi mặt một cách gần như tức thời sau khi hoạt động điều tra, khảo sát được hoàn thành.





## **PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ XẾP HẠNG**

---

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành, viết tắt là DDCI (District & Department Competitiveness Index) là một chỉ số tổng hợp sử dụng để đánh giá các khía cạnh khác nhau về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư. DDCI là chỉ số tổng hợp vì được cấu thành nên bởi các chỉ số thành phần (sub-index), kết quả từng chỉ số thành phần là căn cứ tính toán điểm số DDCI.

Khác biệt của DDCI mà Economica Vietnam xây dựng là tính đến khả năng kế thừa dài hạn và những thay đổi về cơ cấu các sở, ban, ngành trong thời gian tới, qua đó làm căn cứ so sánh, đánh giá tiến bộ và hiệu quả của năm sau với năm trước khi triển khai thực hiện DDCI. Bên cạnh đó, bộ chỉ số DDCI xem xét tới tính thực tiễn và tính tách biệt của từng lĩnh vực, DDCI được xây dựng dựa trên việc đưa ra các tiêu chí đánh giá chung cho các huyện, thành phố và cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thông qua đánh giá của các cơ sở SXKD về việc thực hiện TTHC và cung cấp dịch vụ công. Từ đó làm căn cứ so sánh các huyện, thành phố thuộc tỉnh với nhau đối với DDCI cấp huyện, và so sánh các sở, ban, ngành với nhau đối với DDCI cấp sở, ban, ngành thuộc tỉnh trong việc tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho cơ sở SXKD.

Điểm nổi bật của DDCI là đánh giá các lĩnh vực đại diện cho các cơ quan sở, ban, ngành mà DN/HTX thường xuyên làm việc hoặc trực tiếp thực hiện TTHC. Ví dụ như Sở Kế hoạch và đầu tư sẽ được đánh giá hai lĩnh vực là lĩnh vực Đăng ký kinh doanh và lĩnh vực Đầu tư. Tương tự, Sở Tài Nguyên và Môi trường sẽ được đánh giá hai lĩnh vực chính là lĩnh vực Đất đai và lĩnh vực Tài nguyên môi trường ngoài đất đai. Việc đánh giá theo lĩnh vực chính có liên quan trực tiếp tới cơ sở SXKD sẽ đem nhiều lợi thế về lựa chọn mẫu điều tra khảo sát, đánh giá sở, ban, ngành toàn diện hơn.

Các chỉ số thành phần của DDCI 2020 được trình bày cụ thể trong Phần 3: Nội dung cơ bản của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành.

### ***2.1. Cấu trúc bộ chỉ số***

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu của DDCI được xây dựng trên nguyên tắc nền tảng và thông lệ tốt về điều hành và quản trị kinh tế của chính quyền địa phương. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu bao quát toàn diện các mặt quản lý, điều hành kinh tế của chính quyền địa phương. Được xây dựng trên cơ sở thực tiễn triển khai tại các địa phương của Việt Nam, các chỉ số thành phần và chỉ tiêu của DDCI có thể dễ dàng giúp các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố, sở, ban, ngành và các địa phương nhanh chóng nhận biết được những lĩnh vực điều hành và quản trị kinh tế mà mình đã làm tốt và chưa tốt, những điểm





tích cực và hạn chế, đồng thời cũng có thể nhanh chóng xác định được cụ thể và chính xác cơ quan nào ở cả cấp huyện và cấp sở, ban, ngành chịu trách nhiệm về những yếu kém hay là nhân tố tích cực của lĩnh vực điều hành đó. Điều này sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định đầu mối chịu trách nhiệm trong quá trình xây dựng hành động nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư và năng lực cạnh tranh của địa phương và tỉnh, thúc đẩy sự phát triển của DN/HTX/HKD.

Và hơn thế nữa, DDCI dựa trên kết quả phân tích những điểm mạnh, những điểm còn hạn chế của các chỉ số thành phần PCI Lai Châu, từ đó xây dựng các chỉ tiêu thích hợp. Qua các năm, việc xác định các chỉ số thấp điểm, cần cải thiện trong bộ chỉ số DDCI cấp huyện và cấp sở, ban, ngành giúp chính quyền địa phương và cơ quan sở, ban, ngành sẽ biết được điểm nào cần cải thiện trong năng lực hoạt động của mình, điểm nào cần chú ý trong công tác hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính đặc biệt là các công tác liên quan tới môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp. Như là một kết quả tất yếu, các chỉ số thành phần của PCI, đặc biệt là các chỉ số PCI thấp điểm của tỉnh sẽ được cải thiện, góp phần tích cực thúc đẩy năng lực cạnh tranh địa phương.

Ngoài ra, DDCI có thể đánh giá được các thêm chỉ tiêu mà tỉnh quan tâm để cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, đặc biệt là các chỉ số thấp điểm trong PCI. Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ số thành phần của PCI Lai Châu, DDCI có thể đánh giá được các chỉ tiêu về đào tạo lao động, an ninh trật tự, chính phủ điện tử, phát triển bền vững hay bình đẳng giới qua đánh giá việc hỗ trợ của cơ quan ban ngành liên quan tới các chỉ tiêu này, hay qua việc tính điểm trung bình của các câu hỏi liên quan trong bộ câu hỏi của DDCI.

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện, thành phố cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các sở, ban, ngành là doanh nghiệp, hợp tác xã thì đối với chính quyền các huyện, thành phố, đối tượng phục vụ chính lại là các hộ kinh doanh (và một phần các DN/HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, DDCI sẽ gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và (ii) bộ chỉ số DDCI cho các cơ quan chính quyền cấp huyện.

Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu có tính đại diện và là mẫu số chung để so sánh về năng lực quản lý, điều hành kinh tế giữa các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành. Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả năng so sánh, xếp hạng công bằng giữa các sở, ban, ngành và địa phương. Mỗi chỉ số thành phần được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu khác nhau. Các chỉ tiêu này phản



ánh chi tiết những nội dung của chỉ số thành phần, và cung cấp các thông tin đầy đủ, toàn diện, chi tiết về các mặt của công tác quản lý, điều hành kinh tế bởi các sở, ban, ngành và cơ quan chính quyền huyện, thành phố. Tương tự như chỉ số thành phần, các chỉ tiêu phải đảm bảo được tính đại diện, và phải là mẫu số chung, thước đo chung và có ý nghĩa áp dụng đối với tất cả các đơn vị được đánh giá.

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cũng cho phép xác định rõ được địa chỉ của đơn vị, cơ quan cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố chịu trách nhiệm về những điểm mạnh và điểm yếu của từng điểm cụ thể trong công tác điều hành. Các chỉ số, chỉ tiêu và cơ sở dữ liệu của DDCI phiên bản hoàn toàn mới cho phép xác định rõ ràng, chính xác đầu mối chịu trách nhiệm đối với các hành động nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục những tồn tại đối với từng lĩnh vực cụ thể trong công tác quản lý, điều hành kinh tế ở cả cấp huyện, thành phố và sở, ban, ngành. Từ đó, có thể dễ dàng xác định trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm giải trình của từng đơn vị quản lý trong từng nội dung cụ thể của hoạt động điều hành và quản trị kinh tế.

Chi tiết về các chỉ số thành phần và chỉ tiêu được trình bày tại *Phần 3. Nội dung cơ bản về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)*.

## **2.2. Phương pháp khảo sát DDCI**

*Mục đích điều tra:* Thu thập thông tin từ các cơ sở SXKD **trên địa bàn** tỉnh Lai Châu về cảm nhận, đánh giá của họ đối với năng lực điều hành kinh tế và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của chính quyền địa phương tại các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Những đánh giá tổng hợp này sẽ được chính quyền cấp tỉnh sử dụng, làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các địa phương cấp huyện và các sở, ban, ngành.

*Đối tượng điều tra:* Áp dụng 02 loại phiếu điều tra trong điều tra, khảo sát: (i) Mẫu phiếu 1 dành cho các chủ (hoặc cấp quản lý) DN, HTX (và đối với một số trường hợp là các hộ kinh doanh) dành cho DDCI Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và (ii) Mẫu phiếu 2 dành cho nhóm đối tượng là các chủ cơ sở SXKD dành cho DDCI cấp huyện.

*Phạm vi điều tra:* 8 huyện, thành phố của tỉnh Lai Châu ((1) Huyện Mường Tè; (2) Huyện Nậm Nhùn; (3) Huyện Phong Thổ; (4) Huyện Sìn Hồ; (5) Huyện Tam Đường; (6) Tân Uyên; (7) Huyện Than Uyên; (8) TP. Lai Châu)

*Thời gian điều tra, khảo sát:* Tháng 5 tới tháng 9 năm 2020.



*Thời kỳ thu thập dữ liệu:* Các thông tin khảo sát liên quan tới cảm nhận của đối tượng về tình trạng của vấn đề được hỏi tại địa phương huyện (thành phố) mình và ở các sở, ban, ngành trong khoảng thời gian **2 năm gần nhất** và tập trung vào thông tin của năm gần nhất.

*Phiếu điều tra:* Áp dụng 02 loại phiếu điều tra trong điều tra, khảo sát: (i) Mẫu phiếu 2 dành cho các chủ (hoặc cấp quản lý) DN, HTX (và đối với một số trường hợp là các hộ kinh doanh) dành cho DDCI Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và (ii) Mẫu phiếu 1 dành cho nhóm đối tượng là các chủ cơ sở SXKD dành cho DDCI cấp huyện.

*Loại điều tra:* Điều tra chọn mẫu chủ yếu bằng phỏng vấn (sample survey interview), ngoài ra kết hợp với điều tra trực tiếp tại **Bộ phận Một cửa<sup>1</sup> các cấp và khảo sát online trên website của UBND tỉnh**. Tỉnh lựa chọn phương án tối ưu theo dự toán ngân sách và nguồn lực địa phương.

### **Phương pháp chọn mẫu**

***Mẫu điều tra đối với doanh nghiệp, hợp tác xã cho Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành thuộc tỉnh***

Mẫu điều tra cho DDCI sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của sở, ban, ngành.

Dự kiến tổng cỡ mẫu của điều tra DDCI sở, ban ngành là 300 doanh nghiệp và hợp tác xã.

Cụ thể các nội dung về về lĩnh vực chức năng về quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho doanh nghiệp được liệt kê và mô tả như trong bảng dưới.

***Mẫu điều tra đối với cơ sở SXKD cho Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện***

Để có thể so sánh giữa các huyện, việc chọn mẫu được tiến hành với khung chọn mẫu từ mỗi huyện. Tổng thể gồm các cơ sở SXKD được chia nhỏ hơn nữa theo đặc điểm ngành nghề kinh doanh chính, theo 3 nhóm ngành nghề: (1) Nông/lâm nghiệp/thủy sản, (2) Công nghiệp – xây dựng, (3) Thương mại - dịch vụ. Từ mỗi phân nhóm này, nhóm nghiên cứu chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ để có được danh sách các đơn vị điều tra.

Dự kiến tổng cỡ mẫu của điều tra DDCI dành cho phiếu cấp huyện hàng năm là 600 cơ sở SXKD. Cỡ mẫu này được tính toán để đảm bảo tính khoa học của chỉ số và hiệu quả của nguồn lực tài chính trong giới hạn cho phép của tỉnh.

---

<sup>1</sup> Trong quá trình triển khai cần lưu ý tới tính trung lập và khách quan của cuộc điều tra.





**Bảng 2.1. Các nội dung về lĩnh vực chức năng về quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho doanh nghiệp**

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|---|--|
| 1. Đăng ký kinh doanh  | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; đăng ký kinh doanh</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</li> <li>• Thành lập và hoạt động của hợp tác xã.</li> </ul>  |
| 2. Cấp phép, đăng ký đầu tư                                    | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; đăng ký kinh doanh</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấp phép, đăng kí, thẩm định dự án đầu tư.</li> <li>• Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng kí đầu tư.</li> <li>• Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).</li> <li>• Các thủ tục khác liên quan đến cấp phép, đăng kí đầu tư...</li> </ul> |
| 3. Xây dựng  | Sở Xây dựng                            | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>hoạt động đầu tư xây dựng;</i>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quy hoạch kiến trúc xây dựng</li> <li>• Hoạt động xây dựng (Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;</li> </ul>  |



| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
|  |  |   | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời, Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh, Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh... |
| 4. Phòng cháy Chữa cháy  | Công an tỉnh                           | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình, Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới, Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy...</i> | Phòng cháy chữa cháy  |
| 5. Đất đai   | Sở Tài                                 | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh   | Thủ tục cho thuê đất, Thẩm định nhu cầu sử  |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|---|--|
|  | nguyên và Môi trường                   | quản lý nhà nước về: <i>Đất đai;</i>  | dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất, Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý, Thủ tục giao đất, cho thuê đất, Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế, Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.... |
| 6. Tài nguyên Môi trường <sup>2</sup>                          | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường;</i> | Các thủ tục liên quan đến lĩnh vực:<br>+ Khoáng sản (ví dụ: cấp/điều chỉnh /gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, cấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản, Cấp/gia hạn/chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, cấp/gia hạn giấy   |

<sup>2</sup> Ngoài đất đai

| <b>XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH</b> | <b>LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH</b> | <b>GHI CHÚ</b><br><i>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)</i> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN</b>   |
|---|---|--|--|
|   |   |  | <p>phép khai thác tận thu khoáng sản...)</p> <p>+ Bảo vệ môi trường ( Ví dụ: cấp/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất), thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường/cải tạo phục hồi môi trường thẩm định riêng, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (Kế hoạch BVMT),...</p> <p>+ Tài nguyên và môi trường: (ví dụ: Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường...)</p> <p>+ Tài nguyên nước (Ví dụ: cấp/cấp lại giấy phép tài nguyên nước, Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước, Cấp/cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Cấp/cấp lại phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...)</p> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
| 7. Thuế  | Cục Thuế                               | Có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thủ tục hành chính liên quan đến thuế</li> </ul>     |
| 8. Hải quan  | Cục Hải quan                           | <p>- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định của nhà nước về hải quan trên địa bàn hoạt động của Cục Hải quan, gồm:</p> <p>a) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển cửa khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các địa bàn hoạt động hải quan và các địa điểm khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Áp dụng biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; phòng, chống ma túy và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động được giao theo quy định của pháp luật;</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thủ tục hành chính liên quan đến hải quan</li> </ul> |

| <b>XẾP HẠNG<br/>THEO LĨNH<br/>VỰC CHỨC<br/>NĂNG NHIỆM<br/>VỤ/ THEO SỞ,<br/>BAN, NGÀNH</b> | <b>LIÊN QUAN<br/>TRỰC TIẾP<br/>TỚI SỞ,<br/>BAN,<br/>NGÀNH</b> | <b>GHI CHÚ</b><br><i>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà<br/>nước có liên quan tới doanh nghiệp)</i>   | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/<br/>DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN</b> |
|---|---|--|--|
|   |   | <p>d) Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>đ) Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Tổ chức thực hiện chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về hải quan;</p> <p>g) Áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Xử lý vi phạm hành chính hoặc khởi tố đối với các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính của các đơn vị trực thuộc và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc</p> |  |



| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
|  |  | <p>thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; các quy định của Tổng cục Hải quan về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ; báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan những vướng mắc phát sinh, các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Cục Hải quan.</p> |   |
| 9. Giao thông, Vận tải   | Sở Giao thông vận tải                  | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản lý giao thông (Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác...)</li> <li>• Quản lý phương tiện (Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật, Cấp phép/Gia hạn/sửa đổi Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện)</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>trong nước, nước ngoài...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản lý người lái (Cấp lại Giấy phép xe tập lái...)</li> <li>• Quản lý vận tải</li> <li>• Quản lý giao thông khác...</li> </ul>   |
| 10. Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động                     | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội    | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; | <ul style="list-style-type: none"> <li>• An Toàn, vệ sinh lao động: Báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động, Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...</li> <li>• Giáo dục nghề nghiệp</li> <li>• Lao động - Tiền lương - Quan hệ lao động (Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp, Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp (mới)...</li> <li>• Lao động nước ngoài: Báo cáo nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Cấp lại giấy phép lao động cho người</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam...   |
| 11. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế                             | Bảo hiểm xã hội                        | Có chức năng giúp Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tổ chức thu, chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp; thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu BHXH, BHYT, BHTN (Tham gia, Đăng ký, đóng BHXH, BHYT, BHTN...)</li> <li>• Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (cấp, điều chỉnh thông tin)</li> <li>• Giải quyết chế độ BHXH (giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, nghỉ hưu...)</li> <li>• Giải quyết chế độ BHYT (chi phí khám chữa bệnh...)</li> <li>• Chi BHXH (truy lĩnh, tiếp tục nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, ủy quyền lĩnh thay BHXH...)</li> </ul> |
| 12. Công nghiệp, Thương mại                                    | Sở Công thương                         | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; dầu khí; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công nghiệp: Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Cấp giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, Cấp</li> </ul>  |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
|  |  | <p>ngành thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; lưu thông hàng hóa trên địa bàn; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hội nhập kinh tế; thương mại quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn; quản lý an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.</p> | <p>giấy phép Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương, Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thương mại: Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG, Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm, rượu, Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm...</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
| 13. Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản                                 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối theo quy định của pháp luật. | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn: Công nhận nghề truyền thống...</li> <li>• Quản lý chất lượng (Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, ...</li> <li>• Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, "Cấp/cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón...</li> </ul> |
| 14. Y tế   | Sở Y tế                                | Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: <i>khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y</i>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khám bệnh, chữa bệnh (Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bao gồm: phòng khám đa khoa, phòng</li> </ul>  |



| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|--|---|
|  |  | <i>tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm;</i>   | khám chuyên khoa, phòng xét nghiệm, cơ sở dịch vụ y tế, ...) <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dược phẩm (Cấp, cấp lại, điều chỉnh đủ điều kiện kinh doanh dược đối với cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở bán buôn thuốc, ...)</li> <li>• Mỹ phẩm (Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm)</li> <li>• An toàn thực phẩm (Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi của ngành Y tế)</li> </ul> |
| 15. Giáo dục, Đào tạo  | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | Tham mưu cho UBND tỉnh trong các quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br><br>Giúp ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực giáo dục của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở địa phương; hướng dẫn và kiểm tra | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấp phép tổ chức giáo dục kỹ năng sống</li> <li>• Thành lập trung tâm tin học, ngoại ngữ</li> <li>• Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục</li> <li>• Thành lập, cho phép hoạt động, giải thể các trường THPT tư thục;</li> <li>• Cho phép thành lập, giải thể, tổ chức</li> </ul>   |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|--|---|
|  |  | <p>hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương theo quy định của pháp luật.</p> <p>Giúp ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước các tổ chức dịch vụ du học tự túc theo quy định của pháp luật; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật và của ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>Giúp ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện thành lập trường, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo, công khai chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> | <p>lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa</li> <li>• Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học</li> <li>• Xác nhận đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài</li> <li>• Cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</li> <li>• Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài</li> </ul> |
| 16. Khoa học, Công nghệ  | Sở Khoa học và Công nghệ               | Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: <i>Hoạt động khoa học và công nghệ; lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; lĩnh vực sở hữu trí tuệ; lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.</i>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoạt động khoa học và công nghệ: Thủ tục cấp mới và cấp thay đổi, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&amp;CN; Thủ tục cấp mới, cấp lại, cấp thay đổi bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho tổ chức</li> </ul>  |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp) | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>KH&amp;CN;... Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN không sử dụng ngân sách nhà nước;... Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ KH&amp;CN);...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân: Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; Cấp phép tiến hành công việc bức xạ; Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ, gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế); Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế);...</li> <li>• Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công</li> </ul> |

| <b>XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH</b> | <b>LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH</b> | <b>GHI CHÚ</b><br><i>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)</i> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN</b>   |
|---|---|--|--|
|   |   |  | <p>           nghiệp; Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.         </p> <ul style="list-style-type: none"> <li>           Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng; thủ tục điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng; thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu; thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận; thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ KH&amp;CN ban hành; Thủ tục cấp Giấy         </li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp) | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng Quốc gia; Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu;...</p>   |
| 17. Văn hóa, Du lịch   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | Tham mưu quản lý nhà nước về <i>Văn hóa, thể thao và Du lịch</i>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Văn hóa cơ sở: Cấp phép kinh doanh karaoke, cấp giấy phép kinh doanh vũ trường, gia hạn giấy phép kinh doanh Karaoke...</li> <li>• Thể thao: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với DN</li> <li>• Du lịch: Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 3 sao đối với khách sạn, thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|---|--|
|  |  |   | <p>lich, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch. Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao...</p>   |
| 18. Thông tin, Truyền thông, Viễn thông                        | Sở Thông tin và Truyền thông           | Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về: xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo chí: Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí</li> <li>• Xuất bản: Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, Cấp giấy phép hoạt động ngành in, Đăng ký hoạt động cơ sở in...</li> </ul>  |
| 19. Tư pháp  | Sở Tư pháp                             | Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về: theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; pháp chế; công chứng, chứng thực; trọng tài thương mại; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp; hòa giải cơ sở; bán đấu giá tài sản. | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bán đấu giá tài sản: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.</li> <li>• Thủ tục đăng ký thành lập, hoạt động thừa phát lại; đăng ký hoạt động trọng tài thương mại; quản tài viên, giám</li> </ul> |



| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|--|---|
|  |  |  | <p>định tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Luật sư: Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư, Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư...</li> <li>• Công chứng: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, Thành lập Văn phòng công chứng, Đăng ký tập sự hành nghề công chứng....</li> </ul>  |
| 20. Quản lý thị trường   | Cục Quản lý thị trường                 | Tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh; | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các thủ tục liên quan đến phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh;</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN   |
|--|--|---|---|
|  |  | thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.</li> </ul>   |
| 21. Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu và các khu công nghiệp        | Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh       | Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu kinh tế.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thủ tục hành chính và dịch vụ công liên quan đến doanh nghiệp thuộc khu kinh tế, cửa khẩu và các khu công nghiệp.</li> </ul>   |
| 22. Điện lực   | EVN (Công ty Điện lực Lai Châu)        | EVN không phải là một cơ quan thuộc chính quyền tỉnh. Tuy nhiên, tiếp cận điện năng là một chỉ số quan trọng được thể hiện trong các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh (Nghị quyết 19 trước đây và Nghị quyết 02 hiện tại, Nghị quyết 35). Theo các nghị quyết này, tại cấp trung ương, Bộ Công thương và EVN sẽ có trách nhiệm cải thiện các bước để cắt giảm những hồ sơ, giấy tờ, thủ tục liên quan, quy trình thực hiện thủ tục (bao gồm cả thủ tục liên quan của doanh nghiệp là EVN) để cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng, nhằm cải | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thủ tục thực hiện tiếp cận điện năng quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực (Thông tư số 43/2013/TT-BCT), và sửa đổi theo Thông tư 24 /2016/TT-BCT, ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương về “quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng”.</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>thiện môi trường kinh doanh nói chung và chỉ số Doing Business của Việt Nam. Tại các tỉnh, thành phố, Sở Công thương và EVN cũng chịu trách nhiệm cải thiện quy trình thực hiện các thủ tục liên quan để cải thiện khả năng tiếp cận điện năng của doanh nghiệp.</p> <p>Vì vậy, đây cũng có thể là một nội dung tình có thể thể cân nhắc đưa vào khảo sát, đánh giá DDCI, qua đó đảm bảo tính toàn diện, mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ cho việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh.</p> <p>Tham khảo thêm tại Thông tư 24 /2016/TT-BCT, ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương về “quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng”.</p> |  |
| 23. Trung tâm phục vụ hành chính                               |  | Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Là đầu mối tập trung đề 15 sở, ngành thuộc UBND tỉnh và 02 doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Điện lực tỉnh,</li> </ul> |

| XẾP HẠNG THEO LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ/ THEO SỞ, BAN, NGÀNH | LIÊN QUAN TRỰC TIẾP TỚI SỞ, BAN, NGÀNH | GHI CHÚ<br>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN  |
|--|--|---|--|
| công tỉnh  |  | chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân   | Công ty cổ phần nước sạch tỉnh) thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) cho các tổ chức, cá nhân                     |
| 24. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh                          |  | <p>Tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.</p> <p>Thực hiện các công tác thanh tra, giám sát đối với các chi nhánh các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân, các công ty tài chính, các tổ chức tài chính vi mô, công ty trung gian thanh toán hoạt động trên địa bàn tỉnh.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công tác thanh tra, giám sát, cấp phép đối với chi nhánh của các tổ chức tín dụng, QTDND, tổ chức tài chính vi mô... trên địa bàn.</li> </ul> |

Mẫu điều tra sẽ đảm bảo rằng mỗi lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công ở trên dự kiến sẽ có khoảng 30 phiếu trả lời. Như vậy, việc lấy mẫu sẽ bắt đầu từ những lĩnh vực mà dường như có ít tương tác nhất với doanh nghiệp để đảm bảo yêu cầu tối thiểu. Trên cơ sở các mẫu tối thiểu này, các doanh nghiệp trong mẫu tối thiểu này sẽ trả lời 2-3 lĩnh vực chung.

Như vậy, mẫu khảo sát yêu cầu phải có **ít nhất** có số doanh nghiệp có hiểu biết hoặc đã có kinh nghiệm trong quá khứ tương tác với cơ quan chính quyền khi các cơ quan này thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực, cụ thể như sau:

- 1) Đăng ký Kinh doanh
- 2) Đầu tư
- 3) Xây dựng
- 4) Phòng cháy Chữa cháy
- 5) Đất đai
- 6) Tài nguyên Môi trường
- 7) Thuế
- 8) Hải quan
- 9) Giao thông, Vận tải
- 10) Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động
- 11) Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế
- 12) Công nghiệp, Thương mại
- 13) Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản
- 14) Y tế
- 15) Giáo dục, Đào tạo
- 16) Khoa học, Công nghệ.
- 17) Văn hóa, Du lịch
- 18) Thông tin, Truyền thông, Viễn thông
- 19) Tư pháp
- 20) Tài chính
- 21) Ngân hàng, Tín dụng
- 22) Tiếp cận điện năng
- 23) Quản lý thị trường
- 24) Quản lý khu kinh tế cửa khẩu
- 25) Hành chính công tập trung

### ***Thiết kế phiếu câu hỏi đối với sở, ban, ngành***

Bảng câu hỏi sẽ được xây dựng theo hình thức chuẩn hóa, đồng nhất và có thể áp dụng cho tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Đối với sở, ban, ngành, thiết kế bộ câu hỏi tách và phân tích theo lĩnh vực quản lý, phương pháp này có tính dự báo cao, và sẵn sàng thích ứng với các thay đổi và cải cách có thể của bộ máy chính quyền tỉnh đang diễn ra. Ví dụ Bộ Nội vụ đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và HĐND cấp tỉnh đăng ký thực hiện thí điểm hợp nhất các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (sở, ban, ngành), cấp huyện (phòng ban). Ở cấp tỉnh, thí điểm hợp nhất 8 sở, ban, ngành thành 4. Ví dụ cụ thể như sau: Sở Tài chính hợp nhất với Sở KH-ĐT thành Sở Tài chính và Kế hoạch. Sở này có chức năng tham mưu giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư. Thí điểm hợp nhất Sở GTVT với Sở Xây dựng thành Sở GTVT và Xây dựng. Sở tham mưu giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng.

MP01: Đầu tư - Đất đai - Tài nguyên Môi trường

MP02: Xây dựng – Phòng cháy Chữa cháy – Tiếp cận điện năng

MP03: Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản – Đất đai - Tài nguyên Môi trường

MP04: Công nghiệp, Thương mại – Quản lý thị trường – Đăng kí kinh doanh

MP05: Giao thông, Vận tải – Xây dựng – Tiếp cận điện năng

MP06: Giáo dục, Đào tạo – Lao động, Dạy nghề và An toàn Lao động – Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

MP07: Y tế - Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế

MP08: Văn hóa, Du lịch – Lao động, Dạy nghề và An toàn Lao động – Phòng cháy chữa cháy

MP09: Thông tin, Truyền thông, Viễn thông - Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế

MP10: Khoa học, Công nghệ - Đăng kí Kinh doanh

MP11: Tư pháp – Hành chính công tập trung

MP12: Tài chính – Hành chính công tập trung

MP13: Hải quan – Thuế - Quản lý thị trường

MP14: Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu – Thuế - Hải quan

MP15: Ngân hàng, Tín dụng – Tư pháp – Thuế



Mỗi phiếu câu hỏi sẽ bao quát 1-3 lĩnh vực quản lý nhà nước. Tức là, mỗi doanh nghiệp trả lời sẽ trả lời câu hỏi cho 1-3 lĩnh vực. Phiếu sẽ bắt đầu bằng:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà doanh nghiệp đó có tương tác với chính quyền mà không phải các doanh nghiệp khác đều biết
- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà tất cả các doanh nghiệp khác đều tham gia và đều biết.

Do vậy, dự kiến sẽ có 15 mẫu phiếu khác nhau để khảo sát 15 nhóm đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã như bảng sau. Mỗi mẫu phiếu đánh giá từ 1-3 lĩnh vực để đảm bảo thu được số phiếu cần thiết cho cuộc điều tra, khảo sát.

Tuy có 15 mẫu phiếu khác nhau cho các nhóm lĩnh vực quản lý khác nhau, nhưng các phiếu cho từng lĩnh vực đều giống nhau về câu hỏi, phương án trả lời. Việc phân loại như vậy nhằm đạt được mục đích tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi, tiết kiệm cho quá trình điều tra, khảo sát. Đơn vị khảo sát chỉ cần lấy đúng mẫu phiếu cho đúng đối tượng DN/HTX điều tra nằm trong mẫu. Việc mã hóa số liệu sẽ giống hệt nhau, chỉ khác biệt là sẽ phải lựa chọn lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho đúng.

Bằng cách này, cũng sẽ giảm được độ dài của bảng câu hỏi, cũng như lĩnh vực mà cần hỏi doanh nghiệp, song lại đảm bảo được các lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công sẽ được bao quát đầy đủ với số lượng phiếu điều tra tối thiểu, cần thiết.

### **Cách thức tiếp cận điều tra**

Điều tra DDCI sử dụng cách tiếp cận là phỏng vấn trực tiếp các chủ cơ sở SXKD tại địa phương theo danh sách mẫu đã được lựa chọn. Bố trí đơn vị chịu trách nhiệm chính về việc thu thập số liệu thông qua mạng lưới các điều tra viên ở các địa phương.

Vai trò của Đơn vị điều tra tại tỉnh (Cục Thống kê):

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố thu thập danh sách tổng thể các đối tượng điều tra (các cơ sở kinh tế gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX) với các thông tin liên lạc chi tiết trên cơ sở phương pháp bên Tư vấn đưa ra, và cung cấp cho đơn vị Tư vấn xây dựng mẫu điều tra khảo sát
2. Điều tra đồng thời mã hóa số liệu, nhập liệu
3. Giám sát, kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu (15% sẽ do đơn vị tư vấn kiểm tra, xác thực độc lập).

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực hiệp hội tại địa phương, khảo sát DDCI Lai Châu dự kiến phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các tổ chức đoàn thể xã hội ở địa phương như các câu lạc bộ phụ nữ, doanh nhân nữ (trực thuộc Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh). Hiệp hội có thể tham gia với vai trò giám sát, hoặc hỗ trợ, tổ chức, thúc đẩy các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh tại địa phương.

### ***Xử lý dữ liệu***

Nhóm nghiên cứu thực hiện các thao tác kiểm tra dữ liệu, khắc phục vấn đề giá trị khuyết và xử lý các điểm dị biệt trong dữ liệu. Đồng thời, để đảm bảo khách quan, nhóm nghiên cứu sẽ kiểm tra chéo dữ liệu. Nếu phát hiện dữ liệu “xấu”, nhóm nghiên cứu sẽ cân nhắc một trong 3 cách cơ bản để xử lý tình huống này là gọi điện hỏi lại người được phỏng vấn để làm sáng tỏ vấn đề; suy luận từ các câu trả lời khác hoặc loại toàn bộ câu trả lời có vấn đề. Dữ liệu điều tra DDCI sau mã hóa sẽ được tiến hành nhập liệu thông qua phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu được thiết kế dựa trên nền tảng chương trình xử lý số liệu đã được xây dựng. Dữ liệu được xử lý song song tại phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu.

Song song với quá trình nhập liệu, với sự hỗ trợ của chương trình xử lý số liệu thống kê, có thể phát hiện những lỗi tinh vi hơn của dữ liệu đã thu thập. Các thống kê mô tả và các biểu đồ của các biến là công cụ hữu ích để phát hiện các giá trị (thông tin) cá biệt - ngoại lai. Giá trị trung vị, nhỏ nhất, lớn nhất sẽ cho biết vùng dữ liệu quan sát được của mỗi biến. Đây chính là thông tin quan trọng xác định một biến nào đó có trường hợp ngoại lai không. Cũng cần chú ý là giá trị ngoại lai không nhất thiết là thông tin sai, nhưng trong một số trường hợp, có thể cần loại các giá trị này trong một số tính toán vì chúng có thể làm sai lệch đặc trưng chung của tổng thể nghiên cứu.

Ngoài ra, quá trình xử lý dữ liệu nghiên cứu thông qua kiểm định độ tin cậy của các biến số cũng sẽ hỗ trợ cho việc hiệu chỉnh lại các tiêu chí đánh giá cấu thành nên các chỉ số thành phần trong DDCI một cách phù hợp. Bên cạnh các dữ liệu thu được từ khảo sát cảm nhận của các đối tượng cơ sở SXKD (dữ liệu sơ cấp) thì nhóm nghiên cứu cũng thực hiện việc thu thập thêm các dữ liệu thứ cấp phục vụ cho đánh giá.

### ***Xếp hạng***

#### ***Tính điểm các chỉ số thành phần***

Nhóm nghiên cứu đưa ra cách thức chuẩn hóa điểm cho các chỉ số DDCI theo thang điểm từ 1-5 theo mức độ cảm nhận từ *Rất xấu* đến *Tốt* (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị

càng cao càng tốt).

Đến đây, việc tính toán điểm chỉ số thành phần ở mỗi huyện được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả thông số của huyện đó. Do đó, cách tính điểm chỉ số thành phần thông thường sẽ theo phương thức lấy bình quân điểm các thông số:

$$Dict_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

**Dict<sub>t</sub>**: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 10 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-10;

**m**: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần *Dict<sub>t</sub>*; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

**P<sub>1</sub>, P<sub>2</sub>, P<sub>3</sub>,..., P<sub>m</sub>** : là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

Tương tự, việc tính toán điểm các chỉ số thành phần DDCI sở, ban, ngành cũng được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả các thông số. DDCI sở, ban, ngành nên được đánh giá theo lĩnh vực quản lý. Nếu xét theo phương pháp này, cách tính điểm số chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực quản lý như sau:

$$Dept_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

**Dept<sub>t</sub>**: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 8 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-8;









**m**: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần *Dict<sub>t</sub>*; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

**P<sub>1</sub>, P<sub>2</sub>, P<sub>3</sub>,..., P<sub>m</sub>** : là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

### *Xếp hạng*

Đối với DDCI cấp huyện, điểm DDCI các huyện/thành phố sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp.

## Hình 2.1. Thang điểm xếp hạng DDCI

|   |                 |  |
|---|-----------------|--|
|  | Rất tốt         | Các huyện/thành phố đồng thời cũng được xếp vào các nhóm năng lực điều hành: Rất tốt ( $\geq 90$ điểm), Tốt (Từ 80 đến $<90$ ), Khá (Từ 70 đến $<80$ ), Trung bình khá (Từ 60 đến $<70$ ), Trung bình (Từ 50 đến $<60$ ), Trung bình thấp (Từ 40 đến $<50$ ), Kém (Từ 30 đến $<40$ ), Rất kém ( $<30$ ).<br><br>Tương tự, đối với DDCI sở, ban, ngành, điểm số của các lĩnh vực quản lý (thuộc phạm vi trách nhiệm, chức năng của các sở, ban, ngành) cũng được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp, với các thang điểm tương ứng như sau: Rất tốt ( $\geq 90$ điểm), Tốt (Từ 80 đến $<90$ ), Khá (Từ 70 đến $<80$ ), Trung bình khá (Từ 60 đến $<70$ ), Trung bình (Từ 50 đến $<60$ ), Trung bình thấp (Từ 40 đến $<50$ ), Kém (Từ 30 đến $<40$ ), Rất kém ( $<30$ ). |
|  | Tốt             |  |
|  | Khá             |  |
|  | Trung bình khá  |  |
|  | Trung bình      |  |
|  | Trung bình thấp |  |
|  | Kém             |  |
|  | Rất kém         |  |

### ***Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích***

Bước cuối cùng là tổng hợp và xếp hạng các huyện theo thứ tự điểm số DDCI cấp huyện hoặc DDCI cấp sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý từ cao đến thấp. Các bảng khác tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá cũng sẽ được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các huyện/thành phố hoặc sở, ban, ngành trong tỉnh tham khảo và có hướng cải thiện tình hình.

Sản phẩm cuối cùng được công bố là “*Báo cáo Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu (DDCI Lai Châu)*”, kết quả phân tích dữ liệu điều tra và phiếu khảo sát.

## **PHẦN 3. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

---

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và Sở, ban, ngành gồm 2 nội dung quan trọng: năng lực cạnh tranh cấp huyện và năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

### **3.1. CẤP SỞ, BAN, NGÀNH**

#### **3.1.1. Đối tượng điều tra**

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện cũng rất khác nhau. Do đó, đối tượng trả lời Phiếu DDCI Sở, Ban, Ngành gồm:

- Các doanh nghiệp hoặc HTX lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI sở, ban, ngành (đánh giá năng lực quản lý, điều hành cấp sở, ban, ngành).
- Trong một số trường hợp, các hộ kinh doanh cá thể có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu sở, ban, ngành trong trường hợp hộ kinh doanh đó thực sự thực hiện thủ tục hành chính với sở, ban, ngành hoặc thực sự có sự tương tác về quản lý điều hành (ví dụ như qua cấp phép, thanh tra, kiểm tra...) với sở, ban, ngành.
- Trong phiếu DDCI Sở, Ban, Ngành, sẽ sử dụng thống nhất cụm thuật ngữ Doanh nghiệp/ HTX. Doanh nghiệp là các doanh nghiệp, công ty được đăng ký theo Luật Doanh nghiệp. Hợp tác xã là các HTX được đăng ký theo Luật Hợp tác xã.

Mục tiêu hướng tới của việc triển khai DDCI sở, ban, ngành là thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành tại mỗi tỉnh, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại địa phương. Trên cơ sở đó, DDCI Sở, ban, ngành sẽ tập trung đánh giá các sở, ban, ngành và cơ quan cấp tỉnh chính như sau:

- 1) Sở Kế hoạch và Đầu tư
- 2) Sở Xây dựng
- 3) Công an tỉnh
- 4) Sở Tài nguyên và Môi trường
- 5) Cục Thuế
- 6) Chi cục Hải quan
- 7) Sở Giao thông Vận Tải
- 8) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- 9) Bảo hiểm Xã hội

- 10) Sở Công Thương
- 11) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 12) Sở Y Tế
- 13) Sở Giáo dục và Đào tạo
- 14) Sở Khoa học và Công nghệ
- 15) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- 16) Sở Thông tin và Truyền thông
- 17) Sở Tư pháp
- 18) Sở Tài chính
- 19) Ngân hàng Nhà nước (Chi nhánh tỉnh Lai Châu)
- 20) Cục Quản lý thị trường tỉnh Lai Châu
- 21) Điện lực Lai Châu
- 22) Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng
- 23) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh

Cụ thể hơn, DDCI đánh giá và chấm điểm theo chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ công của từng sở, ban, ngành cho doanh nghiệp. Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các **lĩnh vực cụ thể** như sau:

- 1) Đăng ký Kinh doanh
- 2) Đầu tư
- 3) Xây dựng
- 4) Phòng cháy Chữa cháy
- 5) Đất đai
- 6) Tài nguyên Môi trường
- 7) Thuế
- 8) Hải quan
- 9) Giao thông, Vận tải
- 10) Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động
- 11) Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế
- 12) Công nghiệp, Thương mại
- 13) Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản
- 14) Y tế
- 15) Giáo dục, Đào tạo
- 16) Khoa học, Công nghệ.
- 17) Văn hóa, Du lịch
- 18) Thông tin, Truyền thông, Viễn thông
- 19) Tư pháp
- 20) Tài chính
- 21) Ngân hàng, Tín dụng



- 22) Tiếp cận điện năng
- 23) Quản lý thị trường
- 24) Quản lý khu kinh tế cửa khẩu
- 25) Hành chính công tập trung

Các lĩnh vực này sẽ được thiết kế thành 15 mẫu phiếu đánh giá. Mỗi mẫu phiếu bao gồm các đánh giá dành cho từ 1-3 lĩnh vực để đảm bảo số mẫu cần thiết.

- MP01: Đầu tư - Đất đai - Tài nguyên Môi trường
- MP02: Xây dựng - Phòng cháy Chữa cháy - Tiếp cận điện năng
- MP03: Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản - Đất đai - Tài nguyên Môi trường
- MP04: Công nghiệp, Thương mại - Quản lý thị trường - Đăng kí kinh doanh
- MP05: Giao thông, Vận tải - Xây dựng - Tiếp cận điện năng
- MP06: Giáo dục, Đào tạo - Lao động, Dạy nghề và An toàn Lao động – Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
- MP07: Y tế - Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế
- MP08: Văn hóa, Du lịch - Lao động, Dạy nghề và An toàn Lao động - Phòng cháy chữa cháy
- MP09: Thông tin, Truyền thông, Viễn thông - Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế
- MP10: Khoa học, Công nghệ - Đăng ký Kinh doanh
- MP11: Tư pháp - Hành chính công tập trung
- MP12: Tài chính - Hành chính công tập trung
- MP13: Hải quan - Thuế - Quản lý thị trường
- MP14: Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu - Thuế - Hải quan
- MP15: Ngân hàng, Tín dụng - Tư pháp - Thuế

### ***3.1.2. Chỉ số thành phần, chỉ tiêu***

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu của DDCI cấp sở, ban, ngành sẽ bao gồm hai phần chính: Chỉ số thành phần cốt lõi và chỉ số thành phần mở rộng.

#### ***3.1.2.1 Chỉ số thành phần cốt lõi***

Chỉ số thành phần cốt lõi DDCI cấp sở, ban, ngành cho một lĩnh vực chức năng quản lý đánh giá gồm có 8 chỉ số thành phần và 38 chỉ tiêu cốt lõi. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu này thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và liên quan trực tiếp tới các doanh nghiệp, HTX và môi trường kinh doanh tại tỉnh. Bảng sau đây sẽ khái quát hóa các chỉ số thành phần và chỉ tiêu theo hệ thống tương ứng.

**Bảng 3.1. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cốt lõi trong DDCI sở, ban, ngành cấp tỉnh**

| <b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>  | <b>CHỈ TIÊU</b>  |
|---|--|
| <b>1. Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các quy định, quy hoạch, kế hoạch</b> | 1.1. Chất lượng hiệu quả của chính sách, chương trình, sáng kiến hỗ trợ, quy hoạch của tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý   |
|   | 1.2. Vận dụng hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN/HTX   |
|   | 1.3. Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch               |
|   | 1.4. Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch |
| <b>2. Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công</b>                              | 2.1. Hiệu quả của các nỗ lực thực hiện cải cách TTHC nhằm cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý   |
|   | 2.2. Mức độ hài lòng đối với dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý   |
|   | 2.3. Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến/chính phủ điện tử trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý   |
|   | 2.4. Hiệu quả bộ phận một cửa trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý   |
|   | 2.5. Mức độ hài lòng đối với thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ cơ quan cấp sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này khi tiếp xúc với DN/HTX   |
|   | 2.6. Hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan trong việc giải quyết các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công và giảm chi phí thời gian                              |
|   | 2.7. Hiệu quả trong phối hợp với Văn phòng Ủy ban  |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN                               | CHỈ TIÊU  |
|--|---|
|  | <p>trong việc giải quyết các TTHC cho doanh nghiệp.</p> <p>2.8. Nỗ lực giải quyết vấn đề cho DN trong phạm vi quyền hạn của mình và không đùn đẩy trách nhiệm sang sở, ngành khác hoặc cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết thủ tục cho DN/HTX.</p> <p>2.9. Hiệu quả của việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử (e-gov) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, giảm chi phí và thời gian</p> <p>2.10. Thanh tra, kiểm tra đối với một DN/HTX trong một năm trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>2.11. Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số được quan tâm, chú ý trong quá trình cung cấp dịch vụ công</p>  |
| <p><b>3. Minh bạch thông tin</b></p>               | <p>3.1. Tính dễ dàng trong tiếp cận và tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng dịch vụ công chính phủ điện tử</p> <p>3.2. Tính dễ hiểu của tài liệu hướng dẫn, cách thức hướng dẫn TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.3. Tính chủ động của cơ quan cấp sở, ban, ngành trong việc phổ biến, hướng dẫn về văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.4. Chất lượng của thông tin hướng dẫn về TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên website của sở, ban, ngành hoặc tỉnh</p> <p>3.5. Tính rõ ràng, hữu dụng trong việc giải đáp các thắc mắc cho DN/HTX của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý</p> |
| <p><b>4. Cạnh tranh bình đẳng</b></p>              | <p>4.1. Công bằng, không phân biệt đối xử với một DN/HTX, hoặc một số nhóm DN/HTX trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, cơ hội đấu thầu, đất đai, và tài nguyên</p> <p>4.2. Công bằng, không phân biệt đối xử giữa các DN/HTX khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>4.3. Công bằng, không phân biệt đối xử từ góc độ giới (giữa các DN/HTX do nam giới hoặc nữ làm chủ)</p>   |
| <p><b>5. Tính năng động của sở, ban, ngành</b></p> | <p>5.1. Tích cực thực hiện sáng kiến, chương trình cải cách để mang lại lợi ích lớn hơn cho DN/HTX, nhà đầu tư tại tỉnh trong lĩnh vực chức năng quản lý</p> <p>5.2. Tích cực trong việc hỗ trợ giải quyết những khó</p>  |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN   | CHỈ TIÊU  |
|--|---|
|  | <p>khẩn, vướng mắc của DN/HTX trong lĩnh vực chức năng quản lý</p> <p>5.3. Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19) trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này</p> <p>5.4. Tích cực, quan tâm chú ý tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p>      |
| <p><b>6. Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo</b></p> | <p>6.1. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực chức năng quản lý thể hiện tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc thực thi các quy định, chính sách trong lĩnh vực này</p> <p>6.2. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này tích cực tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX</p> <p>6.3. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này đã tích cực thực hiện có hiệu quả các cam kết với DN/HTX trong quá trình đối thoại</p> |
| <p><b>7. Chi phí không chính thức</b></p>                              | <p>7.1. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà DN/HTX tại tỉnh phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>7.2. Thực tế của hiện tượng chi trả các khoản chi không chính thức cho cán bộ cơ quan cấp sở, ban, ngành khi thực hiện TTHC, dịch vụ công</p> <p>7.3. Xu thế về mức độ chi phí không chính thức mà DN/HTX phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trong năm vừa qua</p>  |
| <p><b>8. Hỗ trợ doanh nghiệp</b></p>                                   | <p>8.1. Tích cực triển khai các chương trình (của trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD/DN/HTX trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>8.2. Tính phù hợp về thiết kế, quy định của các chương trình, hoạt động hỗ trợ</p> <p>8.3. Hiệu quả triển khai các hoạt động hỗ trợ HKD/DN/HTX trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý (khả năng tiếp cận, thời</p>   |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN | CHỈ TIÊU  |
|----------------------|---|
|                      | gian)<br>8.4. Tính minh bạch, công bằng trong các chương trình, hoạt động hỗ trợ.<br>8.5. Tác động của các hoạt động hỗ trợ đối với DN/HTX trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN/HTX |

### 3.1.2.2 Chỉ số thành phần mở rộng

Tương tự như DDCI cấp huyện, trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh có thể lựa chọn điều chỉnh, bổ sung, hoặc giảm bớt các chỉ số thành phần mở rộng cho phù hợp với điều kiện của tỉnh và địa phương của mình. Các chỉ số thành phần mở rộng được xây dựng trên cơ sở thông tin thu thập từ quá trình điều tra đối với bảng câu hỏi. Các chỉ số thành phần mở rộng có các chỉ tiêu nhỏ nằm tại các chỉ số thành phần cốt lõi, có thể xây dựng các chỉ số mở rộng nhằm đánh giá sâu và nổi bật hơn đối với một số phương diện về quản lý, điều hành kinh tế. Các chỉ số thành phần mở rộng này được thực hiện bổ sung và không yêu cầu phải thay đổi nội dung phiếu khảo sát qua các năm.

Bên cạnh đó, với các chỉ tiêu ở trên có thể tiến hành xây dựng một hoặc các chỉ số thành phần mở rộng như sau:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử) trong quản lý, điều hành;
- b) Chú ý tới phát triển bao trùm, phát triển bền vững trong quản lý, điều hành kinh tế

Ngoài các chỉ số mở rộng này, báo cáo phân tích kết quả DDCI cuối cùng cũng sẽ làm rõ và so sánh các sở, ban, ngành về các chỉ tiêu như *trách nhiệm của người đứng đầu*.

**Bảng 3.2. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI  
sở, ban, ngành cấp tỉnh**

| <b>CHỈ SỐ<br/>THÀNH PHẦN</b>                                       | <b>CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI</b>   |
|--|--|
| <b>1. Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử - e-gov)</b> | 1.1. Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến/ chính phủ điện tử trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của sở, ban, ngành   |
|  | 1.2. Hiệu quả của việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử (e-gov) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công  |
|  | 1.3. Tính dễ dàng trong tiếp cận và tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng dịch vụ công chính phủ điện tử            |
|  | 1.4. Chất lượng của thông tin hướng dẫn về thực hiện TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên website của sở, ban, ngành hoặc tỉnh   |
| <b>2. Phát triển bền vững và bao trùm</b>                          | 2.1. Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch                       |
|  | 2.2. Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch         |
|  | 2.3. Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số được quan tâm, chú ý trong quá trình cung cấp dịch vụ công  |
|  | 2.4. Công bằng, không phân biệt đối xử từ góc độ giới (giữa các DN/HTX do nam giới hoặc nữ làm chủ)  |
|  | 2.5. Tích cực, quan tâm chú ý tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý                         |
|  | 2.6. Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19) trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý |



## **3.2. CẤP HUYỆN**

### **3.2.1. Đối tượng điều tra**

DDCI cấp huyện dựa trên quan điểm nền tảng là các cơ sở kinh tế kỳ vọng như thế nào đối với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố trong công tác điều hành và quản trị kinh tế, đồng thời cũng được xây dựng dựa trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố theo các quy định hiện hành của Việt Nam về tổ chức chính quyền địa phương. Do đó, đối tượng trả lời Phiếu DDCI Huyện, Thành phố gồm:

- Các hộ kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh, tổ hợp tác lựa chọn trả lời các phiếu khảo sát DDCI cấp huyện (đánh giá năng lực quản lý, điều hành cấp huyện).
- Một số HTX được đăng ký tại cấp huyện, hoạt động chủ yếu trong địa bàn huyện và chủ yếu tương tác với chính quyền cấp huyện cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp huyện.
- Trong phiếu DDCI Huyện, Thành phố, thuật ngữ CSKD được sử dụng để hàm ý bao gồm các đối tượng trên.

Đối tượng mà DDCI cấp huyện quan tâm là chất lượng quản lý, điều hành kinh tế, cung cấp dịch vụ công cho các cơ sở kinh tế tại huyện, thành phố thuộc tỉnh. DDCI nhanh chóng trở thành chiếc gương phản chiếu chất lượng công tác quản lý, điều hành kinh tế của chính quyền địa phương cấp huyện, thành phố và đồng thời cũng phản ánh mức độ hài lòng, triển vọng về môi trường kinh doanh và đầu tư tại các địa bàn trong tỉnh.

### **3.2.2. Chỉ số thành phần và chỉ tiêu**

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu của DDCI cấp huyện sẽ bao gồm hai phần chính: Chỉ số thành phần cốt lõi và chỉ số thành phần mở rộng.

#### **3.2.2.1 Chỉ số phần cốt lõi**

Chỉ số thành phần cốt lõi gồm có 10 chỉ số thành phần tổng hợp từ 87 chỉ tiêu. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu này thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và liên quan trực tiếp tới các cơ sở sản xuất kinh doanh và môi trường kinh doanh tại tỉnh. Bảng sau đây sẽ khái quát các chỉ số thành phần và chỉ tiêu theo hệ thống tương ứng.

**Bảng 3.3. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cốt lõi trong DDCI cấp huyện**

| <b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>  | <b>CHỈ TIÊU</b>   |
|---|---|
| <b>1. Chi phí gia nhập thị trường</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.1. Thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục, yêu cầu để đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi) cơ sở SXKD</li> <li>1.2. Mức độ hữu dụng của trang web của huyện trong việc tìm kiếm thông tin, tải xuống các mẫu biểu về đăng ký kinh doanh (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)</li> <li>1.3. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh.</li> <li>1.4. Số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)</li> <li>1.5. Số lần đi lại để có được giấy đăng ký kinh doanh sau giấy hẹn</li> <li>1.6. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công, bao gồm chi phí và thời gian thực hiện đăng ký kinh doanh</li> </ul> |
| <b>2. Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh</b>                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>2.1. Tính thuận lợi trong việc có được địa điểm kinh doanh</li> <li>2.2. Chất lượng phổ biến (hướng dẫn, giải thích) các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các cơ sở kinh tế của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn...</li> <li>2.3. Tính ổn định của địa điểm kinh doanh hiện tại và mức độ rủi ro bị thu hồi đất và địa điểm kinh doanh</li> <li>2.4. Khả năng thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch cho các cơ sở SXKD (cụm công nghiệp)</li> <li>2.5. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công bao gồm chi phí và thời gian thực hiện về đất đai – địa chính.</li> </ul>  |
| <b>3. Chất lượng dịch vụ công trong cấp phép và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC trong việc đăng ký thuế</li> <li>3.2. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC trong việc cấp phép xây dựng (trong thẩm quyền của huyện)</li> <li>3.3. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC về cấp phép trong hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn về việc thực hiện các quy tắc về an toàn và vệ sinh</li> <li>3.4. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC về cấp phép việc thực hiện các quy định về môi trường.</li> <li>3.5. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC về cấp phép việc thực hiện quy định về lao động, an toàn lao động.</li> <li>3.6. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC về cấp phép, quản lý việc khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng</li> </ul>  |

| <b>CHỈ SỐ<br/>THÀNH PHẦN</b>                | <b>CHỈ TIÊU</b>   |
|---|---|
|   | <p>theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3.7. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra về thuế</p> <p>3.8. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra xây dựng (trong thẩm quyền của huyện)</p> <p>3.9. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn về việc thực hiện các quy tắc về an toàn và vệ sinh</p> <p>3.10. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về môi trường.</p> <p>3.11. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính việc thực hiện phòng cháy- chữa cháy.</p> <p>3.12. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về lao động, an toàn lao động.</p> <p>3.13. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý thị trường</p> <p>3.14. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường của cơ sở SXKD</p> <p>3.15. Số lần thanh tra, kiểm tra trong 1 năm đối với 1 cơ sở SXKD</p> |
| <b>4. Tính năng động của lãnh đạo huyện</b> | <p>4.1. Thực hiện hiệu quả quy định, chính sách của Nhà nước vì lợi ích của cơ sở SXKD</p> <p>4.2. Trách nhiệm của người đứng đầu (lãnh đạo huyện)</p> <p>4.3. Lãnh đạo huyện đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)</p> <p>4.4. Tích cực đưa ra các sáng kiến, chương trình nhằm cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC, hỗ trợ các cơ sở SXKD</p> <p>4.5. Tính tích cực trong việc hình thành cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các khó khăn cho các cơ sở SXKD</p> <p>4.6. Lãnh đạo chính quyền địa phương gần gũi, thân thiện, lắng nghe cơ sở SXKD</p> <p>4.7. Chú trọng tới yếu tố bình đẳng giới, dân tộc thiểu số trong công tác điều hành tại huyện</p> <p>4.8. Chú trọng tới yếu tố môi trường, sinh thái trong công tác điều hành tại huyện</p>   |
| <b>5. Hiệu quả công tác đối thoại và</b>    | <p>5.1. Mức độ thường xuyên của hoạt động đối thoại chính thức của lãnh đạo địa phương với các cơ sở SXKD.</p> <p>5.2. Nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng</p>  |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN                              | CHỈ TIÊU   |
|---|--|
| <b>trách nhiệm giải trình</b>                     | các yêu cầu/ vấn đề của các cơ sở SXKD   |
|   | 5.3. Sự hài lòng của các cơ sở SXKD đối với kết quả giải quyết các kiến nghị mà lãnh đạo địa phương có trách nhiệm hoặc cam kết giải quyết.  |
|   | 5.4. Tích cực, nghiêm túc trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở SXKD khi gặp khó khăn   |
|   | 5.5. Hiệu quả của cơ chế tiếp nhận phản hồi nhằm ghi nhận những kiến nghị của các cơ sở SXKD.  |
|   | 5.6. Mức độ tham vấn các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của huyện, xã, ngành có liên quan tới hoạt động của các cơ sở SXKD   |
| <b>6. Minh bạch thông tin và đối xử công bằng</b> | 6.1. Tính tích cực phổ biến các thông tin pháp luật, quy hoạch, quy định có liên quan để hỗ trợ cho hoạt động SXKD của các cơ sở SXKD.   |
|   | 6.2. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của các văn bản quy phạm pháp luật của cấp tỉnh, huyện  |
|   | 6.3. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của thông tin về bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng |
|   | 6.4. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận quy định về thuế và ưu đãi liên quan tới thuế   |
|   | 6.5. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của thông tin về chương trình hỗ trợ SXKD (vay vốn ưu đãi, chương trình khuyến nông, khuyến công...).                                     |
|   | 6.6. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của các thông tin về đấu thầu, mua sắm công của các công trình, dịch vụ do huyện quản lý.   |
|   | 6.7. Mức độ bình đẳng và không có sự phân biệt đối xử giữa các HKD với nhau, giữa HKD với HTX, DN khi tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, cơ hội đấu thầu, đất đai, tài nguyên              |
|   | 6.8. Mức độ bình đẳng trong đối xử, không có sự phân biệt đối xử giữa các HKD với nhau, giữa HKD với HTX, DN của chính quyền huyện khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ            |
|   | 6.9. Mức độ đối xử công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra đối với HKD, HTX, DN   |
|   | 6.10. Hiệu quả của việc công khai ngân sách của huyện, đặc   |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN  | CHỈ TIÊU   |
|---|--|
|   | biệt các khoản thu thuế từ các cơ sở SXKD<br>6.11. Hiệu quả trang web của huyện, công nghệ thông tin và nền tảng Internet trong cung cấp thông tin cho các cơ sở SXKD<br>6.12. Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng và đài phát thanh huyện trong việc cung cấp thông tin cho các cơ sở SXKD  |
| <b>7. Hiệu quả cải cách TTHC, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả của bộ phận một cửa</b> | 7.1. Nỗ lực và sáng kiến của các cơ quan chính quyền tại huyện nhằm cải cách thủ tục hành chính, nhằm cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC cho cơ sở SXKD<br>7.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa<br>7.3. Mức độ cải thiện chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công và việc cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC tại huyện<br>7.4. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>đăng ký kinh doanh</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ thực hiện TTHC.<br>7.5. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>thuế</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.<br>7.6. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>đất đai- địa chính</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.<br>7.7. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>xây dựng</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.<br>7.8. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>công thương (công nghiệp, dịch vụ, thương mại)</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.<br>7.9. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>nông nghiệp</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.<br>7.10. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>tài nguyên, khoáng sản</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của |

| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN                                  | CHỈ TIÊU  |
|---|---|
|   | <p>cán bộ</p> <p>7.11. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>lao động</i>, bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC năng lực và thái độ của cán bộ</p> <p>7.12. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>văn hóa – thể thao – du lịch</i>, bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ</p>  |
| <p><b>8. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh</b></p> | <p>8.1. Thiết kế và hiệu quả thực hiện của chương trình hỗ trợ các cơ sở SXKD trong hoạt động khởi sự DN/HTX</p> <p>8.2. Thiết kế và hiệu quả thực hiện của chương trình hỗ trợ các cơ sở SXKD về các vấn đề liên quan tới thuế</p> <p>8.3. Thiết kế và hiệu quả thực hiện chương trình xúc tiến thương mại (kết nối cung cầu, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm)</p> <p>8.4. Thiết kế và hiệu quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch tuyển dụng và hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động trên địa bàn cấp huyện</p> <p>8.5. Thiết kế và hiệu quả thực hiện công tác phổ biến thông tin ưu đãi vốn vay và các chương trình tín dụng hỗ trợ SXKD</p> <p>8.6. Thiết kế và hiệu quả thực hiện tổ chức các chương trình thi đua, khen thưởng các cơ sở SXKD</p> <p>8.7. Sự quan tâm của chính quyền huyện về bình đẳng giới và dân tộc thiểu số trong các chương trình hỗ trợ kinh doanh</p> |
| <p><b>9. Chi phí không chính thức</b></p>             | <p>9.1. Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện</p> <p>9.2. Quy mô của các chi phí không chính thức trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện</p> <p>9.3. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>đăng ký kinh doanh</i></p> <p>9.4. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>thuế</i></p> <p>9.5. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>đất đai – địa chính</i></p> <p>9.6. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>xây dựng</i></p> <p>9.7. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>công thương (công nghiệp, dịch vụ và thương mại)</i></p> <p>9.8. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>nông nghiệp</i></p>  |



| CHỈ SỐ<br>THÀNH PHẦN   | CHỈ TIÊU   |
|--|--|
|  | 9.9. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>tài nguyên, khoáng sản</i>   |
|  | 9.10. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>lao động</i>  |
|  | 9.11. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>văn hóa – thể thao – du lịch</i>                                      |
|  | 9.12. Thực tế của hiện tượng chi trả các khoản chi không chính thức cho cán bộ cơ quan cấp sở, ban, ngành khi thực hiện TTHC, dịch vụ công |
|  | 9.13. Xu thế chung về mức độ chi phí không chính thức mà cơ sở SXKD phải trả tại huyện trong năm vừa qua                                   |
| <b>10. Hiệu quả của công tác an ninh trật tự đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn</b> | 10.1. Hiệu quả trong việc hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện trong các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự trên địa bàn.                   |
|  | 10.2. Hiệu quả công tác an ninh trật tự tại huyện để cơ sở SXKD yên tâm sản xuất, kinh doanh.  |

### 3.2.2.2 Chỉ số thành phần mở rộng

Trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh có thể lựa chọn điều chỉnh, bổ sung thêm một hoặc các các chỉ số thành phần mở rộng này và các chỉ tiêu cho phù hợp với điều kiện của tỉnh và địa phương của mình. Các chỉ số thành phần mở rộng được xây dựng trên cơ sở thông tin thu thập từ quá trình điều tra đối với bảng câu hỏi. Các chỉ số thành phần mở rộng có các các chỉ tiêu nhỏ nằm tại các chỉ số thành phần cốt lõi. Việc xây dựng các chỉ số mở rộng nhằm đánh giá sâu và nổi bật hơn đối với một số phương diện về quản lý, điều hành kinh tế riêng cho từng tỉnh, và cũng tùy thuộc vào các mối quan tâm của tỉnh.

Bên cạnh đó, dựa theo các chỉ tiêu trên có thể tiến hành xây dựng một hoặc nhiều chỉ số thành phần mở rộng như sau:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử) trong quản lý, điều hành;
- b) Chi phí và thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công.
- c) Chú ý tới phát triển bền vững và bao trùm trong quản lý, điều hành kinh tế.
- d) Hiệu quả của thủ tục thuế



Ngoài các chỉ số mở rộng này, báo cáo phân tích kết quả DDCI cuối cùng có thể làm rõ và so sánh các huyện, thành phố về các chỉ tiêu khác ví dụ như *trách nhiệm của người đứng đầu*.

**Bảng 3.4. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI cấp huyện**

| <b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>                                    | <b>CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI</b>   |
|---|--|
| <b>1. Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử)</b>  | 1.1. Mức độ hữu dụng của trang web của huyện trong việc tìm kiếm thông tin, tải xuống các mẫu biểu về đăng ký kinh doanh (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)   |
|   | 1.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh |
|   | 1.3. Hiệu quả trang web, công nghệ thông tin và nền tảng Internet của huyện trong cung cấp thông tin cho các cơ sở SXKD                                    |
|   | 1.4. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa                |
| <b>2. Chi phí, thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công</b> | 2.1. Thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục, yêu cầu để đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi) cơ sở SXKD                                      |
|   | 2.2. Số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)   |
|   | 2.3. Số lần đi lại để có được giấy đăng ký kinh doanh sau giấy hẹn   |
|   | 2.4. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công, bao gồm chi phí và thời gian thực hiện về đăng ký kinh doanh                                     |
|   | 2.5. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công bao gồm chi phí và thời gian thực hiện về đất đai – địa chính.                                    |
|   | 2.6. Tích cực đưa ra các sáng kiến, chương trình nhằm cắt giảm chi phí và thời gian, hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện                                       |
|   | 2.7. Tính tích cực trong việc hình thành cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các công việc cho các cơ sở SXKD  |
|   | 2.8. Nỗ lực và sáng kiến của các cơ quan chính quyền tại huyện nhằm cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí và thời gian                             |
|   | 2.9. Mức độ cải thiện chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công nhằm cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC tại huyện                               |

| <b>CHỈ SỐ<br/>THÀNH PHẦN</b>              | <b>CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI</b>  |
|---|---|
| <b>3. Hiệu quả của thủ tục thuế</b>       | 3.1. Chất lượng của dịch vụ công, TTHC trong việc đăng ký thuế  |
|   | 3.2. Chất lượng của công tác thanh tra, kiểm tra về thuế  |
|   | 3.3. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận quy định về thuế và ưu đãi liên quan tới thuế  |
|   | 3.4. Hiệu quả của việc công khai ngân sách của huyện, đặc biệt các khoản thu thuế từ các cơ sở SXKD   |
|   | 3.5. Chất lượng và hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về thuế, bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện TTHC, năng lực và thái độ của cán bộ.                           |
|   | 3.6. Thiết kế và hiệu quả thực hiện của chương trình hỗ trợ các cơ sở SXKD về các vấn đề liên quan tới thuế   |
|   | 3.7. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực thuế   |
| <b>4. Phát triển bền vững và bao trùm</b> | 4.1. Lãnh đạo huyện đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19) |
|   | 4.2. Chú trọng tới yếu tố bình đẳng giới, dân tộc thiểu số trong công tác điều hành tại huyện   |
|   | 4.3. Chú trọng tới yếu tố môi trường, sinh thái trong công tác điều hành tại huyện  |
|   | 4.4. Sự quan tâm của chính quyền huyện về bình đẳng giới và dân tộc thiểu số trong các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh  |

## PHẦN 4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

**Bảng 4.1. Kế hoạch thực hiện**

| Công việc   | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>1. XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN DDCI TỈNH LAI CHÂU</b>        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1.1. Rà soát tài liệu thứ cấp và xây dựng đề cương                        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1.2. Xây dựng dự toán   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1.3. Trình thẩm định và phê duyệt   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1.4. Lựa chọn đơn vị Tư vấn   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>2. XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ DDCI CỦA TỈNH LAI CHÂU</b>                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.1. Xây dựng kết cấu Bộ chỉ số DDCI                                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.2. Xây dựng phương pháp tính chỉ số DDCI                                |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.3. Xác định các thông tin cần thu thập phục vụ tính toán Bộ chỉ số DDCI |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.4. Xác định phương pháp thu thập thông tin                              |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.5. Xác định phương pháp điều tra - khảo sát                             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.6. Xây dựng phương pháp nhập và xử lý số liệu                           |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |

| Công việc  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.7. Xác định phương pháp thẩm định kết quả xử lý số liệu  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.8. Dự kiến đề cương báo cáo  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.9. Tham vấn ý kiến các doanh nghiệp, các sở, ban, ngành, Tổ công tác DDCI tỉnh Lai Châu cho Bộ chỉ số DDCI |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 2.10. Hoàn chỉnh Bộ chỉ số DDCI theo ý kiến góp ý  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>3. THAM GIA HỘI THẢO THAM VẤN NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ DDCI TỈNH LAI CHÂU</b>                                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 3.1. Chuẩn bị bài trình bày về dự thảo nội dung DDCI   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 3.2. Tham vấn các ý kiến tại hội thảo  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 3.3. Phân tích thông tin thu được và dự kiến chỉnh sửa   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>4. HOÀN THIỆN BỘ CHỈ SỐ DDCI TỈNH LAI CHÂU VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN</b>                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 4.1. Hoàn thiện Bộ chỉ số DDCI Lai Châu  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 4.2. Đề xuất hướng triển khai thực hiện Bộ chỉ số  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 4.3. Tài liệu hóa thành Báo cáo mô tả phương pháp luận Bộ chỉ số DDCI Lai Châu                               |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |

| Công việc   | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|   | <b>5. TIẾN HÀNH KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO PHÂN TÍCH DDCI 2020</b> |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 5.1. Tổ chức đào tạo tập huấn về bộ chỉ số DDCI 2020 cho điều tra viên    |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 5.2. Tiến hành khảo sát, nhập liệu, phân tích dữ liệu và tổng hợp kết quả |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 5.3 Dự báo báo cáo và hoàn chỉnh kết quả bộ chỉ số DDCI 2020              |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>6. CÔNG BỐ KẾT QUẢ</b>   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 6.1. Tổ chức hội thảo Công bố kết quả                                     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |

**Bảng 4.2: Cơ chế phối hợp thực hiện công việc**

| STT | Đơn vị                | Nội dung công việc   |
|-----|-----------------------|--|
| 1   | Sở Kế hoạch và Đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và thống nhất cơ chế về thực hiện, cơ chế tài chính</li> <li>- Phối hợp với Cục thống kê, Cục Thuế, các đơn vị liên quan... cung cấp danh sách cập nhật nhất toàn bộ các hộ kinh doanh cá thể, Hợp tác xã với địa chỉ cụ thể, phân loại theo địa bàn và lĩnh vực kinh doanh, giới tính chủ hộ...</li> <li>- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan cung cấp danh sách các doanh nghiệp, HTX thực hiện TTHC, dịch vụ công với các sở, ban, ngành trong vòng 2-3 năm gần nhất</li> <li>- Phối hợp và theo dõi chất lượng của điều tra khảo sát</li> <li>- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện</li> <li>- Tổ chức các Hội thảo tham vấn và Hội nghị công bố kết quả bộ chỉ số</li> </ul>  |
| 2   | Cục thống kê          | <p><b>Thực hiện Điều tra khảo sát:</b> Trên cơ sở phối hợp với một đơn vị tư vấn độc lập có kinh nghiệm điều tra về DDCI, triển khai các công việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố thu thập danh sách tổng thể các đối tượng điều tra (các sở kinh tế gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX) với địa chỉ và các thông tin liên lạc chi tiết trên cơ sở phương pháp bên tư vấn đưa ra, và cung cấp cho đơn vị tư vấn xây dựng mẫu điều tra khảo sát</li> <li>- Phối hợp với đơn vị tư vấn để hoàn thiện mẫu điều tra.</li> <li>- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức hội thảo tập huấn cho điều tra viên</li> <li>- Tiến hành điều tra theo phương án được lựa chọn và mã hóa câu trả lời.</li> <li>- Giám sát, kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu (15% sẽ do đơn vị tư vấn kiểm tra, xác thực độc lập). Hỗ trợ cung cấp cho đơn vị tư vấn các số liệu về điều tra doanh nghiệp hàng năm tại tỉnh và cá số liệu thứ cấp khác liên quan đến môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh, phục vụ cho báo cáo DDCI của tỉnh.</li> <li>- Nhập liệu đối với toàn bộ phiếu khảo sát. Tổ chức giám sát nội bộ đối với chất lượng của quá trình nhập liệu tự</li> </ul> |



| STT | Đơn vị        | Nội dung công việc   |
|-----|---------------|--|
|     |               | <p>phiếu điều tra vào phần mềm nhập liệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức và hướng dẫn để các cơ sở SXKD tham gia khảo sát DDCI trực tuyến.</li> <li>- Rà soát và phê duyệt các phiếu trả lời khảo sát trực tuyến, đảm bảo tính xác thực và chất lượng của các phiếu trực tuyến.</li> </ul>   |
| 2   | Đơn vị tư vấn | <p><b><i>Đơn vị tư vấn độc lập, có kinh nghiệm, chuyên môn về DDCI, triển khai các công việc như sau:</i></b> công tác chuẩn bị cho điều tra, xử lý số liệu, phân tích xếp hạng, viết báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát</li> <li>- Xây dựng, thiết lập và hiệu chỉnh form nhập liệu trên phần mềm nhập liệu trực tuyến (online) đối với phiếu điều tra huyện, thành phố và sở, ban, ngành theo đúng mẫu phiếu điều tra được duyệt nhằm hỗ trợ cho công tác điều tra trực tiếp.</li> <li>- Xây dựng form, mẫu điều tra trực tuyến, đảm bảo để Cục Thống kê có thể kết hợp cả hai hình thức điều tra trực tiếp, sử dụng phiếu câu hỏi là giấy và điều tra trực tuyến, tạo thuận lợi cho công tác điều tra, khảo sát, và làm cơ sở cho việc thực hiện bền vững công tác điều tra DDCI trong các năm tiếp theo.</li> <li>- Đảm bảo form mẫu biểu khảo sát trực tuyến có thể cho phép cán bộ khảo sát hướng dẫn các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX thực hiện khảo sát trực tuyến bằng cách sử dụng máy tính xách tay, máy tính bảng, tablet, tạo nền tảng cho việc khảo sát bằng các thiết bị thông minh, giảm chi phí thực hiện khảo sát DDCI trong dài hạn.</li> <li>- Thiết lập và hiệu chỉnh công cụ tính toán, phân tích, phần mềm tính toán, phân tích và xử lý số liệu kết quả theo đúng phương pháp DDCI của tỉnh được duyệt</li> <li>- Xây dựng và quản lý hệ thống tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu và tạo tài khoản và hệ thống quản lý tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu</li> <li>- Xác định mẫu điều tra của tỉnh dựa trên cơ sở quần thể mẫu tổng thể của đối tượng điều tra do Cục Thống kê và các huyện, sở, ban, ngành cung cấp,</li> <li>- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn tập huấn điều tra, khảo sát (sổ tay hướng dẫn, mẫu biểu, bài trình bày...).</li> <li>- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn nhằm hỗ trợ Cục Thống kê</li> </ul> |

| STT | Đơn vị  | Nội dung công việc   |
|-----|---|--|
|     |   | <p>có thể tổ chức hoặc hướng dẫn người tham gia khảo sát tiến hành điều tra khảo sát trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tập huấn về điều tra cho đơn vị điều tra, hướng dẫn sử dụng phần mềm điều tra, nhập liệu cho đơn vị điều tra.</li> <li>- Hướng dẫn, hỗ trợ cho Cục Thống kê trong quá trình Cục tiến hành khảo sát và trong việc Cục tổ chức hướng dẫn cho đối tượng tham gia khảo sát tham gia khảo sát trực tuyến.</li> <li>- Giám sát và kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu</li> <li>- Hiệu chỉnh dữ liệu sau khảo sát</li> <li>- Làm sạch dữ liệu</li> <li>- Thu thập dữ liệu cứng và thông tin định lượng</li> <li>- Trích xuất dữ liệu khảo sát</li> <li>- Xử lý dữ liệu cứng và các thông tin định lượng</li> <li>- Phân tích sơ bộ dữ liệu</li> <li>- Thực hiện quy chuẩn điểm các thông số</li> <li>- Tính điểm các chỉ số thành phần và chỉ số DCI tổng hợp</li> <li>- Tập hợp kết quả điểm số, biểu đồ và xếp hạng</li> <li>- Viết báo cáo phân tích</li> <li>- Tham vấn ý kiến các cơ quan chuyên môn</li> <li>- Tham vấn các chuyên gia độc lập</li> <li>- Hoàn thiện báo cáo DDCI của tỉnh</li> <li>- Hỗ trợ nội dung, chuẩn bị tài liệu, bài trình bày powerpoint nhằm phục vụ cho Lễ Công bố DDCI.</li> <li>- Xây dựng bảng tóm tắt kết quả DDCI trong năm thành bảng chuẩn hóa để có thể chia sẻ trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang web của tỉnh hoặc các trang web có liên quan.</li> </ul> |
| 3   | UBND các huyện, Sở ban ngành, các đơn vị có liên quan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục thống kê, Cục thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành, các huyện có nhiệm vụ tham gia ý kiến về phương pháp luận, hỗ trợ cũng như phối hợp thực hiện việc điều tra khảo sát cùng nhóm nghiên cứu</li> <li>- Các sở, ban, ngành, đặc biệt là các đơn vị nằm trong phạm vi đánh giá xếp hạng, có trách nhiệm cung cấp danh sách toàn bộ các doanh nghiệp đã thực hiện một dịch vụ công, hoặc thủ tục hành chính, hoặc có quan hệ công tác với sở (dưới bất kỳ hình thức nào) trong vòng 2-3 năm vừa qua.</li> </ul>   |

| STT | Đơn vị   | Nội dung công việc   |
|-----|--|--|
|     |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp tuyên truyền cho hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh</li> </ul>  |
| 5   | Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu và các hiệp hội có liên quan | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần giám sát tính khách quan của khảo sát</li> <li>- Hỗ trợ các hoạt động, chương trình, hội thảo trong chuỗi hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh cấp huyện, sở, ban, ngành.</li> <li>- Tham gia tập huấn nâng cao năng lực (nếu có)</li> </ul> |